

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019.

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 3083/QĐ-UBND ngày 23/6/2022 của UBND thành phố Cẩm Phả về việc ban hành quy chế làm việc của UBND Thành phố Cẩm Phả khóa XXI, nhiệm kỳ 2021-2026;

Căn cứ Quyết định số 566/QĐ-UBND ngày 28/02/2017 của UBND thành phố Cẩm Phả về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trụ sở văn phòng giới thiệu sản phẩm Toyota motor Việt Nam – Toyota Cẩm Phả phường Cẩm Bình, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của 21/GXN-UBND ngày 13/3/2017 của UBND thành phố Cẩm Phả.

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Toyota Quảng Ninh – Cẩm Phả số 29/TTr-Toyota QN-CP và hồ sơ kèm theo

Theo tờ trình 748/TTr-TNMT ngày 03/11/2023 của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường v/v cấp Giấy phép môi trường của Trụ sở văn phòng giới thiệu sản phẩm Toyota Motor Việt Nam – Toyota Cẩm Phả.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Toyota Quảng Ninh – Cẩm Phả, địa chỉ tại tổ 5, khu Hòa Lạc, phường Cẩm Bình, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Trụ sở văn phòng giới thiệu sản phẩm Toyota Motor Việt Nam – Toyota Cẩm Phả với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Trụ sở văn phòng giới thiệu sản phẩm Toyota Motor Việt Nam – Toyota Cẩm Phả.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tổ 5, khu Hòa Lạc, phường Cẩm Bình, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên mã số doanh nghiệp: 5702010167, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 09 năm 2019.

1.4. Mã số thuế: 5702010167

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đại lý ô tô và xe có động cơ khác.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

Dự án đầu tư nhóm III, theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tổng diện tích cơ sở: 2.790,0 m² (Trong đó: Đất xây dựng công trình: 1.255,5 m²; Đất cây xanh cảnh quan: 744,6 m²; Đất giao thông, HTKT, sân nội bộ: 789 m²).

- Quy mô: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: Hoạt động kinh doanh xe khoảng 600 xe/năm; hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng, thay thế phụ tùng ô tô khoảng: 9.000 xe/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại **Phụ lục 1** ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại **Phụ lục 2** ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại **Phụ lục 3** ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại **Phụ lục 4** ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại **Phụ lục 5** ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Toyota Quảng Ninh – Cẩm Phả:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47, Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Toyota Quảng Ninh – Cẩm Phả có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND thành phố Cẩm Phả nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND thành phố Cẩm Phả.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép tối đa là 10 năm (kể từ ngày Giấy phép có hiệu lực thi hành), nhưng không vượt thời hạn thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận theo quy định.

Điều 4. Giao phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các phòng Quản lý đô thị Thành phố, phòng Kinh tế, Đội kiểm tra trật tự đô thị và Môi trường Thành phố và UBND phường Cẩm Bình và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở Trụ sở văn phòng giới thiệu sản phẩm Toyota Motor Việt Nam – Toyota Cẩm Phả của Công ty TNHH Toyota Quảng Ninh – Cẩm Phả được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Các ông (bà); Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Cẩm Phả; Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường; Trưởng phòng Quản lý đô thị, phòng Kinh tế, Chủ tịch UBND phường Cẩm Bình; Đội trưởng Đội Kiểm tra trật tự đô thị và Môi trường, Giám đốc Công ty TNHH Toyota Quảng Ninh – Cẩm Phả và Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ thi hành./.

Nơi nhận:

- Đ/c CT, PCT (P2) UBND TP (b/c);
- Như Điều 4;
- Công ty TNHH Toyota Quảng Ninh – Cẩm Phả;
- TTHCC Thành phố;
- Lưu VT, TNMT.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**




Phạm Văn Kính



PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 4161/GPMT-UBND ngày 08/11/2023 của UBND thành phố Cẩm Phả)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, người lao động làm việc tại cơ sở.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà bếp.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động rửa xe.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Ba Toa, chảy ra biển ven bờ vịnh Bái Tử Long.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả thải: Khu Hòa Lạc, phường Cẩm Bình, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Tọa độ vị trí xả nước thải:

+ CX1: Cửa xả nước thải sinh hoạt sau xử lý tại bể tự hoại: X = 2323509, Y = 451098 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $107^{\circ}45'$ múi chiều 3°).

+ CX2: Cửa xả nước thải sinh hoạt sau xử lý tại bể tách mỡ: X = 2323451, Y = 451047 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $107^{\circ}45'$ múi chiều 3°).

+ CX3: Cửa xả nước thải sinh hoạt (nước thải rửa xe) sau xử lý tại bể tách dầu: X = 2323508, Y = 451098 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $107^{\circ}45'$ múi chiều 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 20 m³/ngày đêm (0,83 m³/giờ)

2.3.1. Phương thức xả nước thải: nước thải sau xử lý được xả tự chảy ra hệ thống cống thoát nước chung của khu vực (đọc Quốc lộ 18A) ra suối Ba Toa, dẫn xả ra biển; xả mặt ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải:

- Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại: xả liên tục, 24h/ngày đêm.
- Nước thải sinh hoạt sau bể tách mỡ: xả không liên tục, xả hàng ngày; chỉ phát sinh khi có hoạt động nấu ăn tại nhà bếp.
- Nước thải sinh hoạt sau bể tách dầu: xả không liên tục, xả hàng ngày; chế độ phụ thuộc vào lưu lượng nước sử dụng để vệ sinh công nghiệp, rửa xe.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K=1,2), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K=1,2)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 đến 9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ (theo quy định tại Khoản 2, Điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Khoản 2, Điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ)
2	BOD ₅	mg/l	60		
3	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	120		
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1200		
5	Sunfua	mg/l	4,8		
6	Amoni	mg/l	12		
7	Nitrat	mg/l	60		
8	Tổng dầu, mỡ động thực vật	mg/l	24		
9	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/l	12		
10	Phosphat	mg/l	12		
11	Coliform	MPN/100ml	5.000		

* Ghi chú: Khuyến khích quan trắc chất lượng nước thải sinh hoạt sau xử lý (dòng nước thải số 1) để tự theo dõi, giám sát hệ thống, thiết bị xử lý nước thải; tần suất: 3 tháng/lần.

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyển báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Tổ thẩm định cấp Giấy phép môi trường của Thành phố thẩm định, thông qua theo quy định).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Xây dựng hệ thống cống thoát nước mưa và thoát nước thải riêng. Toàn bộ nước thải phát sinh từ cơ sở được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra môi trường.

- Nước thải sinh hoạt được thu gom riêng đối với mỗi loại như sau:

+ Nước thải vệ sinh → đường ống PVC D90, D110 → 01 bể tự hoại 3 ngăn → đường ống PVC D110 → cống thoát nước mưa D300 của cơ sở → hệ thống thoát nước chung của khu vực → suối Ba Toa → biển ven bờ vịnh Bái Tử Long.

+ Nước thải nhà bếp → 01 bể tách mỡ 3 ngăn → đường ống PVC D110, D140 → cống thoát nước mưa D300 của cơ sở → hệ thống thoát nước chung của khu vực → suối Ba Toa → biển ven bờ vịnh Bái Tử Long.

+ Nước thải rửa xe → đường ống PVC D110 → rãnh thoát nước DxRx C: 53x0,3x0,4m → 01 bể tách dầu 3 ngăn → cống thoát nước mưa D300 của cơ sở → hệ thống thoát nước chung của khu vực → suối Ba Toa → biển ven bờ vịnh Bái Tử Long.

- Tổng hợp khối lượng hạng mục thu gom thoát nước thải của cơ sở: 01 bể tự hoại 3 ngăn dung tích 15 m³; 01 bể tách mỡ 3 ngăn dung tích 0,2 m³; 01 bể tách dầu 3 ngăn dung tích 18 m³.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- 01 bể tự hoại 3 ngăn dung tích 15 m³.

Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → ngăn chứa → ngăn lọc → ngăn lắng → cống thoát nước mưa của cơ sở → hệ thống thoát nước chung của khu vực → suối Ba Toa → biển ven bờ vịnh Bái Tử Long.

- 01 bể tách mỡ dung tích 0,2 m³.

Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → ngăn tách rác → ngăn tách mỡ → ngăn ổn định dòng nước → cống thoát nước mưa của cơ sở → hệ thống thoát nước chung của khu vực → suối Ba Toa → biển ven bờ vịnh Bái Tử Long.

- 01 bể tách dầu dung tích 18 m³.

Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → ngăn lắng cặn sơ bộ → ngăn gạn dầu → ngăn lắng → cống thoát nước mưa của cơ sở → hệ thống thoát nước chung của khu vực → suối Ba Toa → biển ven bờ vịnh Bái Tử Long.

- Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K=1,2) thoát ra cống thoát nước mưa của cơ sở sau đó ra hệ thống thoát nước chung của khu vực ra suối Ba Toa và chảy ra biển ven bờ vịnh Bái Tử Long.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Men vi sinh, tấm thấm dầu đảm bảo chất lượng sau xử lý đạt yêu cầu và không làm phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại mục 2.3.3, phần A của Phụ lục này.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

** Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:*

- Khi bể tự hoại/bể tách mỡ/bể tách dầu gặp sự cố hoặc chất lượng nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu theo quy định tại mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này phải ngừng ngay việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận. Khẩn trương sửa chữa, khắc phục; thuê đơn vị hút nước thải đi xử lý.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Tăng cường biện pháp kiểm tra, giám sát hệ thống thu nước, cống thoát nước tránh tình trạng tắc cống.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1 Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng. Dự kiến từ tháng 7/2024 đến tháng 9/2024.

2.2 Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Bể tự hoại 3 ngăn dung tích 15m³, bể tách mỡ dung tích 0,2m³, bể tách dầu dung tích 18m³.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Đầu ra của bể tự hoại 3 ngăn dung tích 15m³, bể tách mỡ dung tích 0,2m³, bể tách dầu dung tích 18m³.

2.2.2 Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.3.3 của phần A phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau:

- Giai đoạn vận hành ổn định: Ít nhất 3 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

Kế hoạch quan trắc	Các thông số quan trắc	Vị trí quan trắc	Tần suất	Số lượng mẫu	Tiêu chuẩn quy chuẩn so sánh
Giai đoạn vận hành ổn định	pH, BOD ₅ , tổng chất rắn lơ lửng, tổng chất rắn hòa tan, Sunfua, Amoni, Nitrat, tổng dầu mỡ	- Đầu ra bể tự hoại - Đầu ra bể tách mỡ - Đầu ra bể tách dầu	01 ngày/lần (quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày)	03 x 3 = 9 mẫu	QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K=1,2)

	động thực vật, tổng chất hoạt động bề mặt, phosphat, Coliform				
--	---	--	--	--	--

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.3.3 phần A của phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất đảm bảo vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác phòng chống và ứng phó với sự cố môi trường có thể xảy ra trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải của cơ sở./.

PHỤ LỤC 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 4161 /GPMT-UBND ngày 08/11/2023 của UBND thành phố Cẩm Phả)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

+ Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ hoạt động sơn xe ô tô tại phòng sơn tầng 3, lưu lượng khí thải phát sinh khoảng 5.000 m³/giờ.

+ Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ hoạt động sơn xe ô tô tại phòng sơn tầng 3, lưu lượng khí thải phát sinh khoảng 5.000 m³/giờ.

+ Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ hoạt động sơn xe ô tô tại phòng sơn tầng 3, lưu lượng khí thải phát sinh khoảng 5.000 m³/giờ.

+ Nguồn số 04: Khí thải phát sinh từ hoạt động sơn xe ô tô tại phòng sơn tầng 3, lưu lượng khí thải phát sinh khoảng 5.000 m³/giờ.

+ Nguồn số 05: Khí thải phát sinh từ hoạt động sơn xe ô tô tại phòng sơn tầng 4, lưu lượng khí thải phát sinh khoảng 5.000 m³/giờ.

+ Nguồn số 06: Khí thải phát sinh từ hoạt động sơn xe ô tô tại phòng sơn tầng 4, lưu lượng khí thải phát sinh khoảng 5.000 m³/giờ.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Vị trí xả khí thải: khu Hòa Lạc, phường Cẩm Bình, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Tọa độ vị trí xả khí thải:

+ KT1: Tại ống xả của bộ hút và xử lý khí thải phòng sơn tầng 3 (tọa độ: KT1: X=2323457; Y=451073).

+ KT2: Tại ống xả của bộ hút và xử lý khí thải phòng sơn tầng 3 (tọa độ: X= 2323457; Y= 451070).

+ KT3: Tại ống xả của bộ hút và xử lý khí thải phòng sơn tầng 3 (tọa độ: X= 2323457; Y= 451067).

+ KT4: Tại ống xả của bộ hút và xử lý khí thải phòng sơn tầng 3 (tọa độ: X= 2323457; Y= 451064).

+ KT5: Tại ống xả của bộ hút và xử lý khí thải phòng sơn tầng 4 (tọa độ: X= 2323456; Y= 451072).

+ KT6: Tại ống xả của bộ hút và xử lý khí thải phòng sơn tầng 4 (tọa độ:

X= 2323456; Y= 451069).

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $107^{\circ}45'$ vĩ chiều 3°)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $30.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: xả không liên tục, xả hàng ngày; chỉ phát sinh khi có hoạt động sơn xe tại từng khu vực phòng sơn.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCDP 5:2020/QN - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ tinh Quảng Ninh ($K_p=0,9$; $K_v=0,8$), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn QCDP 5:2020/QN ($C_{\max} = C_x K_p x K_v$, với $K_p=0,9$; $K_v=0,8$)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m^3/h	-	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ (theo quy định tại khoản 2, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ)
2	Áp suất	-	-		
3	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	-		
4	CO	mg/Nm^3	720		
5	NO _x	mg/Nm^3	612		
6	SO ₂	mg/Nm^3	360		

* Ghi chú: Khuyến khích quan trắc chất lượng khí thải sau xử lý để tự theo dõi, giám sát hệ thống, thiết bị xử lý khí thải; tần suất: 3 tháng/lần.

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Tổ thẩm định cấp Giấy phép môi trường của Thành phố thẩm định, thông qua theo quy định).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Khí thải phát sinh từ phòng sơn sẽ theo chụp hút đi vào bộ hút và xử lý khí thải sơn (06 thiết bị) để xử lý trước khi thoát ra ngoài môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → chụp hút → bộ đập bụi bằng nước → quạt hút → bộ lọc bụi sơn G2 → bộ lọc than hoạt tính → môi trường

- Công suất thiết kế: 5.000 m³/giờ/hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Acit/Kiểm đảm bảo chất lượng khí sau xử lý đạt yêu cầu và không làm phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại mục 2.2.2, phần A của phụ lục này.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.2.2, phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.2.2 phần A của phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

PHỤ LỤC 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ
CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 4161/GPMT-UBND ngày 08/11/2023
của UBND thành phố Cẩm Phả)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

+ Nguồn số 1: Phát sinh từ máy móc thiết bị khu cầu nâng 4 trụ, khoang bảo dưỡng nhanh 1, khoang bảo dưỡng nhanh 2, khoang bảo dưỡng nhanh 3, cân bằng động, bảo dưỡng nhanh 4, bảo dưỡng nhanh 5, hệ thống căn chỉnh, góc đặt bánh xe, thử phanh đèn pha, khoang đỗ chức năng 1, khoang đỗ chức năng 2, khu rửa xe, khu đặt máy phát điện thuộc tầng 1.

+ Nguồn số 2: Phát sinh từ máy móc thiết bị phòng sửa chữa chi tiết, khu sửa chữa chung 1, khu sửa chữa chung 2, khu sửa chữa chung 3, khu sửa chữa chung 4, khu sửa chữa chung 5, khu sửa chữa chung 6, khoang đỗ chức năng 1, khoang đỗ chức năng 2 thuộc tầng 2.

+ Nguồn số 3: Phát sinh từ máy móc thiết bị khu rửa xe, khu sửa chữa thân 2, khu sửa chữa bề mặt 1, khu sửa chữa bề mặt 2, khu sửa chữa bề mặt 3, khu sửa chữa bề mặt 4, buồng sơn sấy, buồng sơn nhanh, phòng sơn nhanh, phòng pha sơn – kho sơn, khu vực đặt hệ thống bộ hút và xử lý khí thải sơn bằng màng nước và than hoạt tính ECO-Filter thuộc tầng 3.

+ Nguồn số 4: Phát sinh từ máy móc thiết bị khu rửa xe, khu chăm sóc xe, khu sửa chữa thân 2, khu sửa chữa thân 3, khoang sơn nhanh 1, buồng sơn nhanh 1, buồng sơn sấy 1, khu sửa chữa bề mặt 1, khu sửa chữa bề mặt 2, khu sửa chữa bề mặt 3, khu sửa chữa bề mặt 4, khu sửa chữa bề mặt 5 thuộc tầng 4.

+ Nguồn số 5: Phát sinh từ hoạt động máy móc thiết bị của trạm bơm nước đặt trước sân dưới tầng 1.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung tại một số khu vực: Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3° gồm:

TT	Vị trí	Tọa độ	
		X	Y
1	Nguồn số 1	2323459	451073
2	Nguồn số 2	2323463	451070
3	Nguồn số 3	2323468	451069
4	Nguồn số 4	2323471	451070
5	Nguồn số 5	2323506	451098

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Bố trí các hoạt động gây ồn (sơn xe, sửa chữa, bảo dưỡng xe) ở những khu vực riêng như khu rửa xe, bảo dưỡng nhanh đặt tại tầng 1 góc dưới cùng, phía sau tòa nhà; hoạt động sửa chữa lớn, sơn xe được bố trí tại tầng 2 của tòa nhà... đồng thời tại cơ sở trang bị lắp đặt các thiết bị cách âm.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động. Thường xuyên kiểm tra các thiết bị hoạt động phục vụ cho việc sửa chữa, bảo dưỡng, tiến hành thay thế kịp thời nếu có hỏng hóc.

- Máy phát điện, đặt phía sau của tòa nhà, trong phòng kín, cách âm nên khi xảy ra mất điện thì tiếng ồn từ máy phát điện cũng không ảnh hưởng nhiều đến hoạt động của cơ sở.

- Trạm bơm nước đặt phía trước của tòa nhà, trong phòng kín, cách âm nên khi hoạt động thì tiếng ồn từ trạm bơm nước cũng không ảnh hưởng nhiều đến hoạt động của cơ sở.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

PHỤ LỤC 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG
PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 4161/GPMT-UBND ngày 08/11/2023
của UBND thành phố Cẩm Phả)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/tháng)
1	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	07 04 01	2
2	Cặn sơn, sơn và vecni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	08 01 01	250
3	Hộp mực in thải có chứa các thành phần nguy hại	08 02 04	100
4	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng	15 01 02	165
5	Các thiết bị, bộ phận đã qua sử dụng có chứa PCB	15 01 04	15
6	Các thiết bị, bộ phận đã qua sử dụng có khả năng gây nổ (túi khí)	15 01 05	10
7	Má phanh đã qua sử dụng có chứa Amiăng	15 01 06	195
8	Dầu thải	15 01 07	1500
9	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	50
10	Pin, ắc quy thải	16 01 12	2
11	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất đảm bảo rỗng hoàn toàn	18 01 02	210
12	Giẻ nhiễm chất thải nguy hại	18 02 01	6
13	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải	12 06 05	50
14	Bùn thải và bã lọc từ quá trình xử lý khí thải	05 01 03	50
	Tổng số lượng		2.605

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Mã chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
1	Lốp xe	75
2	Vỏ xe loại	75
3	Mảnh sắt vụn, đinh, ốc vít...	75
4	Thùng carton, bao bì...	75
	Tổng	300

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Mã chất thải	Khối lượng (kg/ngày đêm)
1	Rác thải sinh hoạt	47
	Tổng	47

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí thùng chứa riêng từng loại chất thải nguy hại, có kết cấu chống rò rỉ, ăn mòn, dung tích khoảng 200 lít/thùng, có dán mã chất thải nguy hại.

- Bao bì, thiết bị lưu chứa phải đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích: Kho CTNH tầng 1 diện tích 18 m²; Kho CTNH tầng 2 diện tích 16 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Nền bê tông, tường gạch bao, đổ trần bê tông.

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại. Kho lưu chứa phải đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí thùng chứa riêng các loại chất thải đặt tại các khu vực trong và ngoài phân xưởng, dung tích khoảng 200 lít/thùng.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa ngoài trời:

- Diện tích: Kho chứa CTR công nghiệp thông thường diện tích 16 m² nằm tại tầng 4 tòa nhà.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Nền, trần bê tông, cửa ra vào là cửa kính.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa

- Thùng nhựa có nắp đậy.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa

Kho lưu chứa: không bố trí (ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải hàng ngày theo quy định).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng Kế hoạch và triển khai phương án phòng chống, ứng phó với sự cố cháy nổ, rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện dự án.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: Lắp đặt hệ thống báo cháy, chữa cháy tự động hệ thống phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.

- Phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống thu gom nước thải: Tuân thủ các yêu cầu về thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng bể xử lý nước thải. Có kế hoạch và giải pháp xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với bể xử lý nước thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động các công đoạn phát sinh nước thải của cơ sở khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

PHỤ LỤC 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 4161 /GPMT-UBND ngày 08/11/2023 của UBND thành phố Cẩm Phả)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp BVMT, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện Dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình BVMT để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn; Bố trí khu vực lưu giữ, có các dụng cụ phù hợp để lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại; Thu gom riêng các loại chất thải có thể tái chế, tái sử dụng. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất; Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Thực hiện tái chế, xử lý sản phẩm, phế phẩm, bao bì theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện nghiêm túc quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/4/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải; Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 01/4/2016 của UBND Tỉnh về thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh trong quá trình thu gom nước thải của Cơ sở.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của Cơ sở cho Ủy ban nhân dân thành phố Cẩm Phả, Ủy ban nhân dân phường Cửa Ông trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm (trong giai đoạn vận hành ổn định) để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đảm bảo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự

cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình hoạt động của cơ sở. Trường hợp gây ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường trong quá trình hoạt động (nếu có), Chủ cơ sở phải thực hiện ngay các biện pháp xử lý chất thải gây ra ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường và báo cáo kịp thời tới UBND thành phố Cẩm Phả để được hướng dẫn giải quyết.

- Thực hiện nghiêm túc quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/4/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải; Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 01/4/2016 của UBND tỉnh về thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh trong quá trình thu gom nước thải của Cơ sở.

- Đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi xả thải ra môi trường, đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực cơ sở.

- Trường hợp gây ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường trong quá trình hoạt động (nếu có), Chủ cơ sở phải dừng ngay hoạt động hoặc giảm công suất của các công đoạn phát sinh chất thải và công trình xử lý chất thải gây ra ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường và báo cáo kịp thời tới Ủy ban nhân dân thành phố Cẩm Phả, Ủy ban nhân dân phường Cẩm Bình để được hướng dẫn giải quyết.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường, thực hiện các quy định khác về BVMT theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Chỉ được thực hiện các hoạt động khi đáp ứng đủ các điều kiện, thủ tục pháp lý theo quy định.

- Có trách nhiệm hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành các hoạt động giám sát, kiểm tra việc thực hiện các nội dung, biện pháp bảo vệ môi trường của Cơ sở, cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan khi được yêu cầu./.